

BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU BẰNG PHƯƠNG THỨC KIẾN ĐÒI TÀI SẢN TRONG PHÁP LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM VÀ PHÁP LUẬT DÂN SỰ CỦA MỘT SỐ NƯỚC

TS. NGUYỄN MINH TUẤN *

Kiến đòi tài sản từ người chiếm hữu bất hợp pháp là phương thức kiến dân sự để bảo vệ quyền sở hữu. Để đòi được tài sản từ người chiếm hữu không có căn cứ pháp luật phải thoả mãn các điều kiện do pháp luật quy định. Ở nước ta, trong mỗi thời kì phát triển kinh tế - xã hội khác nhau thì điều kiện để đòi lại tài sản không giống nhau.

Trước khi ban hành BLDS năm 1995, việc kiến đòi tài sản không có quy định nào mà áp dụng theo nguyên tắc chung được quy định tại Điều 27 Hiến pháp năm 1980: *"Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu tài sản của công dân..."* Theo nguyên tắc này, nếu tài sản của cá nhân bị người khác chiếm hữu bất hợp pháp, không phân biệt việc chiếm hữu đó là ngay tình hay không ngay tình, người chiếm hữu không có căn cứ pháp luật phải trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Nguyên tắc này bảo vệ quyền sở hữu một cách tuyệt đối, chống lại mọi hành vi xâm phạm tài sản của chủ sở hữu.

Trong việc đòi lại tài sản, thường liên quan đến chủ thể thứ ba là người chiếm hữu ngay tình thông qua giao dịch. Trường hợp này, chủ sở hữu có quyền yêu cầu người ngay tình trả lại tài sản, vì chủ sở hữu không chuyển cho người thứ ba còn người chiếm hữu ngay tình bị người chuyển giao tài sản lừa dối, cho nên cần phải bảo vệ lợi ích của người ngay tình nhưng hình thức bảo vệ

người ngay tình thế nào thì pháp luật không quy định. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử, toà án đã vận dụng nguyên tắc chung về bảo hộ quyền sở hữu để bảo vệ lợi ích của người ngay tình. Nếu chủ sở hữu đòi lại tài sản từ người ngay tình thì cho phép người ngay tình yêu cầu người chuyển giao tài sản phải bồi thường thiệt hại.

Lần đầu tiên quy định về đòi lại tài sản được quy định tại Điều 264 BLDS năm 1995:

"Chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp có quyền yêu cầu người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật đối với tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc quyền chiếm hữu hợp pháp của mình phải trả lại tài sản đó, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật này".

Thông thường, người chiếm hữu không có căn cứ pháp luật là người có hành vi chiếm hữu trái với ý chí của chủ sở hữu như trộm cắp, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản... Ngoài ra, còn một số trường hợp khác như người mua không biết là người bán không có quyền định đoạt tài sản cho nên hành vi của người mua là không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình. Trường hợp này, người

* Giảng viên chính Khoa luật dân sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

mua phải trả tài sản cho chủ sở hữu và có quyền yêu cầu người bán bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 147 BLDS năm 1995.

Theo tinh thần của Điều 264 BLDS năm 1995, người chiếm hữu, sử dụng, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật trái với ý chí của chủ sở hữu hoặc người chiếm hữu hợp pháp phải trả lại tài sản. Hành vi chiếm hữu không có căn cứ pháp luật được thể hiện qua các trường hợp sau:

- Hành vi chiếm hữu không có căn cứ pháp luật không ngay tình như trộm cắp, cướp giật... Hoặc hành vi chiếm hữu ban đầu là có căn cứ pháp luật như thông qua hợp đồng, nhất được tài sản đánh rơi, bỏ quên, được lợi tài sản... nhưng không trả lại tài sản cho chủ sở hữu, cho nên hành vi thực tế chiếm hữu tài sản là không có căn cứ pháp luật.

- Chủ sở hữu chuyển tài sản cho người khác thông qua giao dịch cho mượn, gửi giữ... người chiếm hữu hợp pháp không chuyển tài sản cho người thứ ba nhưng người thứ ba thực tế đang chiếm hữu tài sản.

- Chủ sở hữu chuyển tài sản cho người chiếm hữu hợp pháp, người chiếm hữu hợp pháp chuyển tài sản cho người thứ ba không được sự đồng ý của chủ sở hữu. Trường hợp này, người thứ ba có thể ngay tình hoặc không ngay tình nhưng việc chiếm hữu trái với ý chí của chủ sở hữu.

Các trường hợp trên, xét về mặt ý chí chủ quan của chủ sở hữu hoặc người chiếm hữu hợp pháp, nếu họ không chuyển tài sản cho người khác hoặc không cho phép người khác chiếm giữ tài sản thì người thực tế chiếm giữ tài sản phải trả tài sản cho chủ sở hữu hoặc người chiếm hữu hợp pháp.

Như vậy, theo Điều 264 BLDS năm 1995 điều kiện để đòi lại tài sản là người chiếm hữu tài sản trái với ý chí của chủ sở hữu hoặc người chiếm hữu hợp pháp.

BLDS năm 1995, được xây dựng vào giai đoạn đầu của thời kì đổi mới, Nhà nước ta đang xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật XHCN, trình độ hiểu biết và ý thức pháp luật của nhân dân chưa cao, nền kinh tế của nước ta trong tình trạng kém phát triển cho nên pháp luật phải bảo vệ quyền của chủ sở hữu, tránh việc lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản của người khác, như các trường hợp người mượn, người thuê tài sản bán cho người thứ ba. Những trường hợp này, chủ sở hữu khó có thể yêu cầu người chiếm hữu hợp pháp bồi thường thiệt hại, vì vậy, pháp luật quy định người chiếm hữu không có căn cứ pháp luật ngay tình hoặc không ngay tình đều phải trả lại tài sản cho chủ sở hữu.

Trong việc đòi lại tài sản, nếu liên quan đến người thứ ba thì cần phải xem xét hành vi của người thứ ba là ngay tình hay không ngay tình để bảo vệ quyền lợi cho người ngay tình. Trường hợp người thứ ba tham gia giao dịch mà không biết hoặc không thể biết nguồn gốc tài sản là bất hợp pháp, thì hành vi đó là ngay tình, vì vậy pháp luật cho phép người thứ ba ngay tình có quyền yêu cầu người chuyển tài sản phải bồi thường thiệt hại theo Điều 147 BLDS năm 1995:

“Trong trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu nhưng tài sản giao dịch được chuyển bằng một giao dịch khác cho người thứ ba ngay tình, thì giao dịch với người thứ ba vẫn

có hiệu lực; nếu tài sản giao dịch bị tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc trả lại cho người có quyền nhận tài sản đó thì người thứ ba có quyền yêu cầu người xác lập giao dịch với mình bồi thường thiệt hại”.

Theo quy định trên, người thứ ba không trực tiếp tham gia giao dịch với chủ sở hữu tài sản. Người chuyển giao tài sản cho người thứ ba đã tham gia vào giao dịch trước đó để có tài sản và giao dịch này đã bị vô hiệu, nếu người thứ ba ngay tình thì được pháp luật bảo vệ trong các trường hợp sau:

Thứ nhất, trường hợp giao dịch vô hiệu nhưng tài sản đã chuyển cho người thứ ba ngay tình, thì giao dịch với người thứ ba vẫn có hiệu lực, có nghĩa là người thứ ba trở thành chủ sở hữu tài sản. Trường hợp này xảy ra khi chủ sở hữu đã được bồi thường toàn bộ thiệt hại trước khi phát hiện người thứ ba đang chiếm hữu tài sản của mình, vì vậy không cần thiết buộc người thứ ba trả lại tài sản cho chủ sở hữu.

Thứ hai, nếu tài sản đó bị sung công thì người thứ ba có quyền yêu cầu người chuyển giao tài sản bồi thường thiệt hại.

Thứ ba, nếu chủ sở hữu chưa được bồi thường thiệt hại mà phát hiện tài sản của mình đang bị người thứ ba ngay tình chiếm hữu thì chủ sở hữu có quyền yêu cầu người thứ ba trả lại tài sản và người thứ ba có quyền yêu cầu người chuyển giao tài sản bồi thường thiệt hại.

Như vậy, Điều 147 không điều chỉnh các trường hợp người ngay tình chiếm hữu tài sản do bị trộm cắp, do người khác tham ô mà có... Mặt khác, phương thức bảo vệ quyền

lợi của người ngay tình trong các trường hợp này chưa được quy định trong BLDS năm 1995, vì vậy cần phải áp dụng tương tự pháp luật theo Điều 14 BLDS năm 1995 để bảo vệ người ngay tình.

Để khắc phục những bất cập trên, BLDS năm 2005 không những bảo vệ quyền của chủ sở hữu mà còn bảo vệ lợi ích của người thứ ba ngay tình trong giao dịch và các quan hệ dân sự khác. Điều 256 quy định:

“Chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp có quyền yêu cầu người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật đối với tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc quyền chiếm hữu hợp pháp của mình trả lại tài sản đó, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 247 của Bộ luật này. Trong trường hợp tài sản đang thuộc sự chiếm hữu của người chiếm hữu ngay tình thì áp dụng Điều 257 và Điều 258 của Bộ luật này”.

Theo quy định trên, người chiếm hữu không có căn cứ pháp luật phải trả lại tài sản cho chủ sở hữu hoặc người chiếm hữu hợp pháp. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 257 nếu người chiếm hữu tài sản ngay tình thông qua giao dịch không có đền bù với người không có quyền chuyển giao tài sản thì phải trả lại tài sản cho chủ sở hữu hoặc người chiếm hữu hợp pháp. Ngược lại, nếu người chiếm hữu tài sản ngay tình thông qua giao dịch có đền bù thì không phải trả lại tài sản cho chủ sở hữu, bởi vì theo trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ, chủ sở hữu đã chuyển giao tài sản cho người khác bằng một giao dịch thì người chiếm hữu hợp pháp phải

chịu trách nhiệm theo hợp đồng với chủ sở hữu khi chuyển dịch tài sản cho người thứ ba. Tuy nhiên, trường hợp người thứ ba ngay tình có tài sản thông qua giao dịch không đền bù, nếu phải trả lại tài sản cho chủ sở hữu thì cũng không bị ảnh hưởng gì đến lợi ích của mình, cho nên pháp luật cho phép chủ sở hữu đòi lại tài sản. Ngược lại, nếu người thứ ba ngay tình có tài sản thông qua giao dịch có đền bù thì không phải trả lại tài sản, chủ sở hữu có quyền kiện đòi người chiếm hữu hợp pháp bồi thường thiệt hại. Quy định này dựa trên các căn cứ pháp lý và thực tiễn sau:

Về mặt pháp lý, khi chủ sở hữu chuyển dịch tài sản cho người khác thì giữa chủ sở hữu và người thứ hai phát sinh một nghĩa vụ dân sự, nếu người chiếm hữu hợp pháp vi phạm nghĩa vụ không trả lại tài sản thì phải chịu trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ đối với chủ sở hữu.

Về mặt thực tiễn, người thứ ba tham gia giao dịch không biết hoặc không thể biết tài sản đó là của chủ sở hữu, cho nên hành vi của người thứ ba là ngay tình, vì vậy pháp luật cần bảo vệ lợi ích của người ngay tình, cho phép xác lập quyền sở hữu với tài sản.

Vậy, theo Điều 257 BLDS năm 2005 chủ sở hữu có quyền đòi lại động sản không phải đăng ký quyền sở hữu từ người chiếm hữu không có căn cứ pháp luật trong các trường hợp sau:

- Vật rời khỏi chủ sở hữu hoặc người chiếm hữu hợp pháp ngoài ý chí của họ (chủ sở hữu hoặc người chiếm hữu hợp pháp không chuyển giao tài sản).

- Người chiếm hữu tài sản ngay tình thông qua giao dịch không đền bù.

Đối với động sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc bất động sản thì tùy từng trường hợp cụ thể pháp luật cho phép chủ sở hữu được đòi lại tài sản từ người chiếm hữu ngay tình.

Thông thường, chủ sở hữu có quyền đòi lại động sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc bất động sản từ người chiếm hữu không có căn cứ pháp luật không phân biệt việc chiếm hữu ngay tình hoặc không ngay tình. Tuy nhiên, một số trường hợp pháp luật cho phép người ngay tình có quyền sở hữu đối với tài sản, đó là trường hợp người thứ ba chiếm hữu ngay tình nhận được tài sản thông qua bán đấu giá hoặc giao dịch với người thứ ba mà theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là chủ sở hữu tài sản nhưng sau đó người này không phải là chủ tài sản do bản án hoặc quyết định bị huỷ hoặc bị sửa đổi thì chủ sở hữu không có quyền đòi lại tài sản. Trường hợp này, người ngay tình có tài sản thông qua giao dịch hợp pháp, vì người bán, người chuyển giao có quyền định đoạt tài sản, cho nên làm phát sinh quyền sở hữu của người có tài sản thông qua giao dịch. Quy định này nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của người ngay tình trong các trường hợp toà án hoặc người có thẩm quyền ra quyết định không đúng pháp luật hoặc có hành vi cố ý làm trái vì lợi ích của người được công nhận là chủ sở hữu. Trường hợp, nếu bản án hoặc quyết định đó gây ra thiệt hại thì chủ sở hữu có quyền kiện cơ quan nhà nước hoặc cơ quan tiền hành tố

tụng bồi thường thiệt hại theo Điều 619 hoặc Điều 620 BLDS.

Điều 257 và 258 BLDS năm 2005 điều chỉnh giao lưu dân sự phù hợp hơn với cơ chế thị trường, tạo hành lang pháp lý cho các giao dịch dân sự phát triển ổn định, bảo vệ được quyền của chủ sở hữu và lợi ích người chiếm hữu ngay tình. Mặt khác, quy trách nhiệm dân sự cho cơ quan nhà nước và toà án nếu cán bộ, công chức hoặc thẩm phán do trình độ chuyên môn yếu hoặc do hành vi cố ý làm trái công nhận quyền sở hữu cho cá nhân, tổ chức thì cơ quan nhà nước hoặc toà án phải chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Quyền sở hữu là quyền kinh tế quan trọng của con người, vì vậy pháp luật của các quốc gia đều quy định các phương thức bảo vệ quyền sở hữu giống nhau. Tuy nhiên, do điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của các quốc gia khác nhau cho nên nội dung các phương thức thức kiện dân sự có những điểm khác biệt.

BLDS của Liên bang Nga năm 1994, Chương 20 quy định bảo vệ quyền sở hữu và các vật quyền khác.⁽¹⁾

Điều 301 quy định về yêu cầu đòi tài sản từ người chiếm hữu không có căn cứ pháp luật. Theo nội dung điều luật này, chủ sở hữu có quyền đòi tài sản từ người chiếm hữu không có căn cứ pháp luật. Đây là quy định mang tính nguyên tắc bảo hộ quyền của chủ sở hữu khi người khác chiếm giữ tài sản của mình bất hợp pháp.

Điều 302 quy định về đòi tài sản từ người chiếm hữu không căn cứ nhưng ngay tình.

Khoản 1 Điều 302 quy định chủ sở hữu có quyền đòi lại tài sản nếu chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu chuyển cho đánh rơi hoặc bị mất trộm hoặc người khác chiếm hữu bằng các phương thức trái với ý chí của chủ sở hữu hoặc người chiếm hữu hợp pháp.

Quy định này tương tự như Điều 257 BLDS Việt Nam năm 2005 trong các trường hợp vật rời khỏi chủ sở hữu hoặc người chiếm hữu hợp pháp ngoài ý chí thì chủ sở hữu hoặc người chiếm hữu hợp pháp có quyền yêu cầu đòi lại tài sản.

Khoản 2 Điều 302 quy định người chiếm hữu ngay tình thông qua giao dịch không đền bù thì phải trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Như vậy, có thể hiểu ngược lại là người ngay tình thông qua hợp đồng có đền bù thì không phải trả lại tài sản cho chủ sở hữu.

Khoản 3 Điều 302 quy định đối với tiền và giấy tờ có giá thì chủ sở hữu không được yêu cầu người chiếm hữu ngay tình trả lại. Bởi lẽ, tiền và giấy tờ có giá là công cụ thanh toán trong các giao dịch nên cần phải giữ ổn định các giao lưu dân sự, thương mại. Mặt khác, tiền và giấy tờ có giá là vật cùng loại, vì vậy không cần thiết phải trả lại số tiền hoặc giấy tờ có giá đó mà chủ sở hữu có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại từ người đã chuyển cho người thứ ba ngay tình.

Qua nội dung của hai điều luật trên cho thấy những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai BLDS của Việt Nam và Liên bang Nga về kiện đòi tài sản.

Điểm giống nhau:

- Cho phép chủ sở hữu đòi lại tài sản nếu người chiếm hữu không có căn cứ pháp luật, không ngay tình.

- Người ngay tình không phải trả lại tài sản cho chủ sở hữu nếu thông qua giao dịch có đền bù.

Điểm khác nhau:

- BLDS Liên bang Nga không phân biệt việc đòi lại động sản phải đăng kí quyền sở hữu và bất động sản với động sản không phải đăng kí quyền sở hữu. Việc đòi lại tài sản căn cứ vào ý chí của chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp và hành vi của người thực tế chiếm hữu tài sản là ngay tình hay không ngay tình.

- Trong quy định về đòi lại tài sản có sự phân biệt giữa tiền, giấy tờ có giá và các tài sản khác, nếu người chiếm hữu ngay tình đòi với tiền và giấy tờ có giá thì không phải trả lại chủ sở hữu. Đây là quy định riêng của BLDS Liên bang Nga mà BLDS của các nước không đề cập.

Trong BLDS của Cộng hoà Pháp,⁽²⁾ quyền sở hữu được quy định tại Quyền thứ hai, gồm bốn Thiên. Tuy nhiên, trong Quyền hai không quy định về bảo vệ quyền sở hữu. Phương thức bảo vệ quyền sở hữu được quy định tại Thiên thứ hai mươi - Thời hiệu và chiếm hữu.

Điều 2229 quy định để hưởng thời hiệu chiếm hữu phải liên tục không bị gián đoạn, phải yên ổn, công khai, minh bạch và được thực hiện bởi danh nghĩa là chủ sở hữu.

Điều 2229 không quy định về chiếm hữu ngay tình, tuy nhiên người chiếm hữu phải chiếm hữu bởi danh nghĩa chủ sở hữu, trên thực tế được coi như chủ sở hữu. Quy định này giống như việc chiếm hữu ngay tình trong luật dân sự Việt Nam.

Điều 2265 quy định người ngay tình xác lập quyền sở hữu đối với bất động sản đã mua là 10 năm sẽ trở thành chủ sở hữu do áp dụng thời hiệu nếu người chủ sở hữu thực sự của bất động sản cư trú trong địa phận quản hạt của toà phúc thẩm nơi có bất động sản và sau 20 năm nếu chủ sở hữu cư trú ngoài quản hạt. Như vậy, nếu người mua bán bất động sản ngay tình thì được xác lập quyền sở hữu đối với vật mua nên chủ sở hữu không đòi lại vật được. Ngược lại, người mua chưa đủ thời hạn xác lập quyền sở hữu thì phải trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Điều luật cũng không quy định việc mua bán theo phương thức nào (đấu giá...), bởi vì đây là trường hợp đặc biệt xác lập quyền sở hữu.

Thông thường thời hiệu khởi kiện đối với tài sản hoặc quyền nhân thân đều là 30 năm, tuy nhiên trường hợp mua bán ngay tình bất động sản là 10 năm thì xác lập quyền sở hữu.

Điều 2279 quy định người đánh mất hoặc đã bị lấy trộm vật thì có thể đòi lại từ người đang giữ trong thời hạn 3 năm kể từ ngày mất vật, người giữ vật có thể kiện đòi người đã chuyển nhượng vật cho mình. Trường hợp này người đang thực tế giữ vật là ngay tình, cho nên theo thời hiệu xác lập quyền sở hữu là 3 năm. Do vậy trong thời hạn 3 năm kể từ ngày mất vật, chủ sở hữu có quyền đòi lại vật từ người chiếm hữu ngay tình và người ngay tình có quyền đòi tiền mua từ người bán cho mình.

(Xem tiếp trang 64)

(1).Xem: Bộ luật dân sự Liên bang Nga năm 1994.

(2).Xem: Bộ luật dân sự Cộng hoà Pháp năm 1804.

pháp luật có liên quan”. Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 23 Mẫu hướng dẫn xây dựng điều lệ hợp tác xã ban hành kèm theo Nghị định số 77/2005/NĐ-CP quy định:

“1. Các tranh chấp kinh doanh, thương mại, lao động... phát sinh trong nội bộ hợp tác xã được giải quyết trên cơ sở hoà giải giữa xã viên với nhau và giữa xã viên với hợp tác xã theo nguyên tắc bình đẳng, hợp tác; trường hợp không giải quyết được thì trình đại hội xã viên xem xét, quyết định.

2. Trường hợp đại hội xã viên không giải quyết được tranh chấp thì đề nghị toà án nhân dân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đó”.

Trên thực tế, các hợp tác xã khi xây dựng điều lệ đã tuân thủ quy định này, do vậy các xã viên bị khai trừ có quyền khởi kiện ra toà án để giải quyết tranh chấp của họ với hợp tác xã, sau khi đại hội xã viên không giải quyết được tranh chấp này.

Từ những viện dẫn trên, có thể kết luận đây cũng không phải là tranh chấp lao động hay vụ kiện hành chính mà theo quy định tại điểm b tiểu mục 1.1 mục 1 Phần I Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 thì đây cũng là loại tranh chấp về đầu tư giữa người góp vốn là cá nhân không có đăng kí kinh doanh với tổ chức không có đăng kí kinh doanh nhưng cả hai đều nhằm mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của toà kinh tế (đối với các cấp toà án có toà chuyên trách). Mặc dù không phải là án kinh doanh, thương mại quy định tại Điều 29 BLTTDS nhưng bản án, quyết định cũng vẫn phải kí hiệu là kinh doanh thương mại./.

BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU... (tiếp theo trang 55)

Điều 2280 quy định, người đang giữ vật của người khác bị mất mà đã mua vật đó ở chợ, hội chợ, bán đấu giá thì chủ sở hữu chỉ có quyền lấy lại vật bằng cách trả cho người giữ vật số tiền đã mua. Ngoài ra, điều luật này còn quy định, người cho thuê muốn đòi lại động sản cho thuê đã bị chuyển dịch mà không có sự đồng ý của mình thì phải trả cho người mua số tiền đã mua động sản đó.

Theo quy định của Điều 2280 nếu người ngay tình mua thông qua bán đấu giá, tại hội chợ chưa được xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu thì chủ sở hữu chỉ có thể lấy lại tài sản bằng phương thức mua lại tài sản đó. Quy định này phù hợp với thực tế, bởi lẽ người mua qua đấu giá, hoặc trong hội chợ thì không buộc phải biết nguồn gốc tài sản có hợp pháp hay không, vì đó là cuộc mua bán công khai nơi công cộng mà ai cũng có thể mua và bán, vì thế để đảm bảo cho các giao lưu dân sự thông thoáng, ổn định thì cần phải bảo vệ người mua ngay tình.

Các quy định trong BLDS của Cộng hoà Pháp căn cứ vào ý chí của người chủ sở hữu, hành vi của người có vật và thời hiệu xác lập quyền sở hữu để bảo vệ quyền và lợi ích của chủ sở hữu và người ngay tình. Đây là các quy định hợp tình, hợp lý đảm bảo lợi ích của các chủ thể trong giao lưu dân sự.

Bảo vệ quyền sở hữu là trách nhiệm của các nhà nước đối với công dân và các tổ chức, tuy nhiên mỗi quốc gia có phương thức bảo vệ riêng. Mỗi phương thức đó đều tồn tại điểm mạnh và yếu, nếu kết hợp được các phương thức trên thì quyền sở hữu sẽ được bảo vệ có hiệu quả và toàn diện./.

(1).Xem: Khoản 1 Điều 29 BLTTDS.